TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG
https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl
P-ISSN 3093-3196
E-ISSN 3093-3226

ÁM ẢNH VỀ CÁI CHẾT HIỆN SINH CỦA CON NGƯỜI TRONG HAI TẬP THƠ "SỔ BỤI" VÀ "THƠ MINI" (TRẦN DẦN)

THE EXISTENTIAL OBSESSION WITH DEATH IN TRAN DAN'S POETRY: A CASE STUDY OF "SO BUI" AND "THO MINI"

Hà Hạnh Nhiên
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Email: nhienhhanh@gmail.com

DOI: https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.1064
Ngày nhận bài: 18/05/2026 *Ngày phản biện: 03/06/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

TÓM TẮT

Trần Dần là gương mặt tiêu biểu cho những nhà thơ tiên phong đổi mới, tuy nhiên việc nghiên cứu sâu về thơ ông thường được tập trung ở những cách tân trong sáng tạo hình thức nghệ thuật mà chưa có sự quan tâm tương xứng ở khía cạnh tư tưởng nghệ thuật, đặc biệt là về quan niệm nhân sinh. Vận dụng lý thuyết hiện sinh, bài viết giải mã quan niệm của Trần Dần về cái chết qua hai tập thơ "Sổ bụi" và "Thơ mini". Nghiên cứu chỉ ra rằng cái chết không chỉ là sự chấm dứt sinh học mà còn là một sự trăn trở mang tính bản thể, nơi con người đối diện với sự phi lý, sự lo âu và nỗi cô độc tuyệt đối trước tha nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy vấn đề cái chết hiện lên đầy phức tạp khi tồn tại dưới nhiều dạng thức, từ đó khẳng định cái chết trong thơ Trần Dần mang tính chất phản tỉnh, là động lực để chủ thể hiện hữu một cách chân thực. Từ việc phân tích nỗi ám ảnh của con người khi đối diện với cái chết, bài viết khẳng định giá trị nhân bản và khẳng định nét riêng của Trần Dần với việc thể hiện dấu ấn hiện sinh trong dòng chảy thơ ca hiện đại Việt Nam.

Từ khóa: *Cái chết, chủ nghĩa hiện sinh, thơ hiện đại, Trần Dần.*

ABSTRACT

Tran Dan is a prominent figure among avant-garde poets; however, in-depth studies of his poetry often focus on his breakthroughs in artistic form rather than his artistic ideology, particularly his views on human existence. By applying existentialist theory, this paper deciphers the concept of death in the two poetry collections "So Bui" and "Tho Mini". The research indicates that death is not merely a biological cessation but also an ontological anxiety, where individuals confront the absurd, anxiety, and absolute solitude before the Other. The research results show that the issue of death emerges with great complexity in various forms; thereby affirming that death in Tran Dan's poetry is reflective in nature, serving as a catalyst for the subject to achieve an authentic existence. By analyzing the human obsession when facing death, the paper affirms the humanistic values and the distinctiveness of Tran Dan in expressing existential imprints within the flow of modern Vietnamese poetry.

Keywords: *Death, Existentialism, Modern poetry, Tran Dan.*

MỞ ĐẦU

Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism) với gốc từ existence nghĩa là sự tồn tại, sự hiện hữu, là một ngành triết học đặt trọng tâm mối quan tâm ở con người. Chủ nghĩa hiện sinh ra đời ở Đức từ chiến tranh thế giới thứ nhất, sau đó nhanh chóng lan sang Pháp cùng với những tên tuổi lớn để rồi theo dòng thời gian trở thành một trường phái triết học, một phong trào có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Đó là thứ triết học chống lại chủ nghĩa duy lý, từ bỏ việc nghiên cứu về những vấn đề vĩ mô để quay về với sự tồn tại của mỗi cá nhân, đặc biệt là những vấn đề thuộc về bản thể, về ý nghĩa sự hiện hữu của con người trong cuộc đời. Từ đó, nó không chỉ dừng lại ở phạm vi của một phong trào xã hội hay lí thuyết triết học mà còn ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác, đặc biệt là nghệ thuật.

Nghiên cứu tác phẩm văn học nói chung, thơ nói riêng từ lí thuyết hiện sinh là một hướng đi đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc giải mã những hiện tượng phức tạp như phong trào thơ mới, thơ Bùi Giáng, Trương Đăng Dung. Thơ Trần Dần - những con chữ mang nặng trăn trở về ý nghĩa và giá trị sống của con người - cũng là những tác phẩm mang đậm

dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh như thế. Chính vì vậy, những vấn đề mang màu sắc hiện sinh đã được các nhà nghiên cứu đề cập trong một số công trình nghiên cứu về thơ ông, trong đó có thể thấy hai xu hướng chính. Thứ nhất là những công trình bàn về thơ Trần Dần trong dòng chảy chung của thơ ca Việt Nam hiện đại như luận văn *Những tìm tòi thể nghiệm cách tân hình thức trong thơ việt nam thời kỳ đổi mới* (2003) của Trần Ngọc Hiếu hay công trình *Quan niệm nghệ thuật thơ của Trần Dần, Lê Đạt nhìn từ phương diện tiếp nhận* (2009) của Hoàng Thị Huế. Thứ hai là những công trình nghiên cứu riêng về hiện tượng thơ Trần Dần với những đặc sắc về cách tân hình thức như luận văn *Thơ Trần Dần - nhìn từ lý thuyết diễn ngôn của Michel Foucault* (2010) của tác giả Đinh Minh Hằng hay *Những cách tân trong thơ Trần Dần* (2010) của Nguyễn Thị Linh Đa. Nhìn chung, các công trình kể trên đã đặt những nền móng quan trọng về việc tiếp cận thơ Trần Dần, trong quá trình đó, các tác giả có đề cập đến một số vấn đề thuộc về chủ nghĩa hiện sinh như nỗi lo âu, cái chết, sự cô độc,... tuy nhiên chỉ mới dừng lại ở việc mô tả chúng một trạng thái cảm xúc mà chưa cấu trúc hóa thành một hệ thống diễn ngôn về cái chết hiện sinh. Ngoài ra, công trình *Dấu ấn hiện sinh trong thơ Trần Dần* (2026) của Hà Hạnh Nhiên tuy lí giải thơ Trần Dần dưới góc nhìn hiện sinh một cách hoàn chỉnh và có hệ thống, song vì giới hạn về dung lượng nên chưa có điều kiện đi sâu vào vấn đề cái chết. Vì thế, bài viết này làm rõ nỗi ám ảnh về cái chết hiện sinh trong thơ Trần Dần bằng việc phân tích những điểm đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, từ đó làm sáng tỏ ý thức về bản thể của con người.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp tiếp cận thi pháp học kết hợp với phương pháp liên ngành văn học - triết học. Từ việc khảo sát hai tập thơ *Sổ bụi* và *Thơ mini* của Trần Dần, bài viết phân tích, nhận diện các biểu hiện của cái chết hiện sinh, qua đó tổng hợp lại thành nhóm để tiếp cận, nhận xét, đánh giá. Trên cơ sở đó, bằng phương pháp thi pháp học, bài viết khảo sát các dạng thức biểu hiện nghệ thuật như ngôn ngữ, hệ thống hình ảnh, thể thơ,… để thấy được biểu hiện đặc sắc của nghệ thuật thơ trong quá trình thể hiện nỗi ám ảnh về cái chết. Phương pháp liên ngành được sử dụng để vận dụng thêm các kiến thức và quan điểm của triết học, đặc biệt là quan điểm của các nhà hiện sinh như Jean - paul Sartre, Albert Camus,... để đi vào chiều sâu tư tưởng của vấn đề cái chết trong thơ Trần Dần. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng một số thao tác và phương pháp cơ bản khác trong nghiên cứu văn học.

1. Quan niệm của chủ nghĩa hiện sinh về cái chết

M.Heidegger đã từng nhận định con người là một hữu thể hướng về cái chết - "reaching on - the - death" (Kraus, 1384, tr. 274), hay nói cách khác, cái chết không có nghĩa là biến mất, không đối lập với sự tồn tại mà nằm ngay trong chính sự tồn tại, là một phần của sự tồn tại (Heidegger, 2014). Vì thế, cái chết theo quan điểm của triết hiện sinh không chỉ là sự chấm dứt về mặt sinh học. Đối với cái chết thể xác, con người không thể trốn tránh mà chỉ có thể chấp nhận nó. Thái độ chấp nhận ấy chính là một trong những bước để con người bắt đầu ý thức sống một cuộc đời có ý nghĩa. (Shariatinia, 2015).

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại theo các triết gia hiện sinh là cái chết tinh thần. Đó "là tình trạng hóa thành cái khác, thành người khác, là khi con người chưa tự ý thức mình là những nhân vị độc đáo." (Đỉnh, 2023, tr. 44). Nói một cách đơn giản, đó là tình trạng con người sống không đúng nghĩa là con người mà chỉ tồn tại chẳng khác gì cây cỏ hay động vật. Jean - paul Sartre cho rằng "thái độ an tâm, bằng lòng với chính mình không phải là thái độ hiện sinh đích thực, đó là dấu hiệu của sự yên nghỉ" (Nguyên, 2020, tr. 352). Khi con người đứng yên, ngừng dấn thân, ngừng kiến tạo mình và kiến tạo ý nghĩa của cuộc đời, họ rơi vào cái chết về tinh thần.

2. Ám ảnh trước cái chết về thể xác

Trong nhiều bài thơ của tập *Sổ bụi* và *Thơ mini*, Trần Dần thể hiện sự sự trăn trở đến mức ám ảnh với đoạn cuối một đời người:

hoa soi? hoa sói. hoa sòi. hoa khói? ga CUỐI của lòng. Tim CUỐI. hai bàn chân CUỐI? <Đây rồi phố CUỐI - khóc đi thôi>

tuổi CUỐI? Hai bàn chân CUỐI vẫn ra đi? tuổi CUỐI đi về xứ CUỐI. Có còn tia CUỐI nào không?

tim CUỐI lê về phố CUỐI. Hay là tia khói CUỐI đã tan đi? nghĩ gì. Xá gì khi khói - CUỐI đã bay

đi? mây CUỐI của lòng. Con mắt CUỐI vẫn chong chong.

đắm đuối CUỐI - CUỐI chân mây? khói CUỐI cay xè đôi mắt CUỐI? tuổi CUỐI? GA CUỐI của lòng. Nghe hát thương hoa

bóng CUỐI? CUỐI? CUỐI? nhảy qua bóng CUỐI của mình.

mùa quả CUỐI - cho nhau ngày hạ CUỐI? - chân trời bóng CUỐI chung đôi? - ngã ba tim…

người tuổi CUỐI nô cô cô người CUỐI tuổi? là tô lồ tồ ngày - năm tháng hạc hà bay? mêli mêlô gì khúc CUỐI thương hoa - vết máy ngã ba tim

(Sổ bụi cuối 1989)

Những chữ "CUỐI" được viết theo lối in hoa, lặp lại liên tục và xuất hiện với tần suất cao như một sự ám ảnh của con người. Với *Sổ bụi* và *Thơ mini*, Trần Dần thường xuyên thể nghiệm cách tân chữ ở cách viết vượt quy chuẩn thông thường như một cách nhấn mạnh ý nghĩa, đồng thời nhấn mạnh ấn tượng thị giác và thu hút sự chú ý, băn khoăn giải nghĩa của người đọc. Trong đoạn thơ này, Trần Dần như kiến tạo hành trình tiến về phía cái chết của con người với những động từ như "ra đi", "đi về", "lê về", "nhảy qua". Chúng tái hiện sự dịch chuyển, nhấn mạnh từng bước đi hướng về điểm cuối của một kiếp sống mà như M. Heidegger từng gọi là hướng về cái chết - "reaching on - the - death" (Kraus, 1384, tr. 274). Ở đoạn kết của hành trình ấy là "tuổi CUỐI", "ga CUỐI", "xứ CUỐI", là đích đến mà bất cứ con người nào cũng phải trải qua. Đối diện với đích đến đó, thái độ của con người trong thơ Trần Dần đầy phức tạp: "người tuổi CUỐI nô cô cô người CUỐI tuổi? là tô lồ tồ ngày - năm tháng hạc hà bay? mêli mêlô gì khúc CUỐI thương hoa - vết máy ngã ba tim". Những "nô cô cô", "tô lồ tồ", "mêli mêlô" tạo nên nhạc tính đầy độc đáo cho đoạn thơ. Bởi lẽ, Trần Dần đã tận dụng triệt để mặt âm thanh của ngôn từ, bất chấp cả ngữ nghĩa để "từ vỡ tung ra trên một dãy những mối quan hệ đã bị khoét rỗng." (Barthes, 1997, tr. 83). Cách thể nghiệm này thử thách quán tính đọc thơ trước đây của độc giả, khi người ta chỉ quen tìm nghĩa rút ra từ con chữ. Giờ đây, với những từ ngữ không có nghĩa, người đọc muốn cảm nhận được giá trị của mỗi câu thơ chỉ có thể "đem tất cả linh hồn, hãy mở tất cả cửa ngách của tâm tư mà lý hội. Trận gió sẽ lên: tức khắc và đột nhiên, vì thơ đã không cần lý luận." (Dần, 2025, tr. 43). Những từ ngữ không có nghĩa vang lên như những tiếng "ú ớ" của người đang trong cơn mê sảng khi bước dần về phía tuổi cuối, khi cái chết kề cận như một nỗi ám ảnh thường trực. Trong khoảnh khắc ấy, con người dường như chỉ còn phát ra những thanh âm khó nắm bắt, như dấu hiệu cho thấy ý thức và lí trí đang mờ dần. Đứng trước điểm tận cùng của đời sống, con người dẫu vẫn biết đau, vẫn cảm nhận rõ nỗi xót xa đến mức "cay xè đôi mắt", nhưng không vì thế mà sợ hãi hay tìm cách né tránh. Cái chết là một điều phi lí, bởi nó đến bất ngờ, không báo trước, nó có thể xóa sạch mọi nỗ lực, giá trị và ý nghĩa mà con người đã cố gắng kiến tạo nên. Nhưng chính khi đối diện với phi lí, con người hiện sinh lại lựa chọn nhận thức và đón nhận nó như một tất yếu không thể tránh. Bởi vậy, trong thơ Trần Dần vẫn hiện lên một tâm thế bình thản: "Xá gì khi khói - CUỐI đã bay đi? mây CUỐI của lòng. Con mắt CUỐI vẫn chong chong." Đó là cái nhìn trực diện vào cái chết, không phủ nhận, không trốn chạy, đó là biểu hiện rõ nét của tinh thần hiện sinh của con người trong thơ Trần Dần.

Trong hai tập *Sổ bụi* và *Thơ mini*, Trần Dần nhiều lần thể hiện những trăn trở của mình về hai chiều không gian BÊN NÀY và BÊN KIA như biểu hiện của cõi sống và cõi chết. "Bên này" và "bên kia" trở đi trở lại nhiều lần như một niềm ám ảnh và luôn gắn liền với nhau, tồn tại trong nhau, tác động lẫn nhau.

sống đối với chết như GỬI với VỀ? như dụng với thể? như trị với trì? như tử số với mẫu số? như từng khúc với dòng sông kì cùng? như những biến của một bất biến? như biến tấu và chủ đề?

mỗi một nấm mồ đánh dấu một ra đi… không một ra đi nào không trả giá. Chẳng đắt chẳng rẻ. Mỗi ra đi khều tới một chân trời… khều tới một đau thương.

AI AI ĐỀU THÍCH BẤT TỬ? MỖI MÌNH TÔI KHÔNG THÍCH MÀ THÔI.

(Sổ bụi 1987)

Hàng loạt những từ vốn đi với nhau thành cặp được sử dụng để tái hiện ý thức của con người về mối quan hệ giữa sự sống và cái chết như "gửi với về", "dụng với thể", "trị với trì", "tử số với mẫu số", "từng khúc với dòng sông", "những biến của một bất biến", tất cả những hình ảnh này chỉ có ý nghĩa khi chúng đi cùng với

nhau, cũng như sự sống chỉ có ý nghĩa vì trong nó bao hàm cái chết. Những câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện như những tự vấn, trăn trở của con người về quy luật cuộc đời, nó không nhằm kiếm tìm một lời giải đáp, mà để phản tư chính mình, để nhấn mạnh, khẳng định điều không thể thay đổi. Từ sự tự ý thức sâu sắc ấy, những nấm mồ xuất hiện trong thơ Trần Dần không mang cảm giác lạnh lẽo của sự mất mát, hư vô, trái lại, nó chứa đựng giá trị của một đời người, để rồi trong mỗi một "ra đi" sáng lên ý nghĩa của một nhân vị đã tồn tại một cách đích thực. Từ đó, cái chết không còn bị cảm nhận như một sự biến mất, và dẫu không thể tránh khỏi sự ám ảnh, con người đứng trước nó không còn hoảng sợ. Với tâm thế ấy, ý niệm về bất tử bị khước từ, bởi bất tử không chỉ đi ngược lại trật tự tự nhiên mà còn phủ nhận một phần của chính sự sống, tin vào nó chính là một dạng "ngụy tín". Con người hiện sinh không lựa chọn điểm tựa ấy, họ ý thức rõ và chấp nhận cái chết như một tất yếu không thể né tránh. Bởi thế, Trần Trọng Vũ từng nhận định: "Người đời cũng mấy ai không thích bất tử? Còn nhà thơ, ông kinh tởm sự sống lẫn sự bất tử, chứ không hề sợ cái chết" (Dần, 2025, tr. 335). Như vậy có thể thấy, khi đối diện với giới hạn thể xác, con người trong thơ Trần Dần không chỉ biểu hiện một thái độ chấp nhận mang màu sắc hiện sinh, mà còn gần với tinh thần vô thường của Phật giáo.

Cũng ám ảnh với cái chết, nhưng con người trong thơ Hoàng Hưng lại không chấp nhận trong tâm thế bằng an như vậy. Cõi thơ Hoàng Hưng hiện lên như một cơn ác mộng:

Đêm em về trắng toát thời thơ ấu
Đêm mẹ về chẳng nói lại đi
Ở đây gần đất xa trời
Ngủ là sum họp với người cõi âm
Tỉnh ra là chết âm thầm
Xi măng lạnh mấy chứng nhân thạch sùng

(Gần đất xa trời)

Tác giả Nguyễn Thị Hải Hậu đã phát hiện ra rằng con người trong thơ Hoàng Hưng "không có được cái độ lượng khoáng đạt bằng an trong tâm hồn. Nhưng những tâm sự trong thơ ông nói với chúng ta về những đớn đau mà con người phải chịu đầy tính chất phi lí." (Hậu, 2008, tr. 36). Cái chết trong cái nhìn của Hoàng Hưng thật sự là một cơn ám ảnh, là một nỗi đau, nó dường như đối lập với sự sống, nó chấm dứt sự sống khiến con người sợ hãi khiến con người không dám ngủ, cũng sợ hãi tỉnh giấc. Với Hoàng Hưng, ngay cả khi đang tỉnh, con người cũng có thể rơi vào cái chết của một sự sống vô nghĩa, vô vị, còn khi ngủ, con người dễ đánh mất cảm giác tồn tại. Trong khi đó, cũng ý thức về cái chết, Trần Dần không đối lập nó với sự sống, ông đặt cả hai khía cạnh ấy trong mối quan hệ biện chứng với nhau, từ đó nhìn thấu quy luật vốn có của cuộc đời mà chấp nhận với một tinh thần không sợ hãi, không chối bỏ, không trốn tránh. Cái tôi của Hoàng Hưng mang đầy nỗi sợ, trong khi đó, cái tôi Trần Dần hiện lên với sự ngang tàng của một kẻ dù có lo âu nhưng không biết sợ, đó là cái ngang tàng đầy ý thức về mình.

3. Ám ảnh trước cái chết về tinh thần

Khi con người thức tỉnh và ý thức về giá trị trong sự tồn tại của mình và sống một cuộc đời ý nghĩa, độc đáo, họ mới không rơi vào cái chết về tinh thần. Con người trong hai tập thơ *Sổ bụi* và T*hơ mini* cũng vậy, họ bình thản đối diện với cái chết về thể xác, vì điều đó nằm ngoài sự kiểm soát của một cá nhân. Mặt khác, con người ý thức được cái chết về tinh thần mới là điều thực sự chấm dứt ý nghĩa của một sự hiện hữu:

Lạ kia đang sống đã là ma
đêm nào cũng xa xỉ sao sa
gió tha người, ở các ngã ba…

(Sổ thơ 1975)

Nỗi sợ của con người dường như không phải là chết, mà là tình trạng "có con người sống mà như qua đời" (chữ dùng của Nguyễn Trọng Tạo), là khi con người "đang sống đã là ma". Ở đây, Trần Dần đặt con người vào một trạng thái đầy nghịch lí, khi "ma" vốn là đại diện cho cái chết, cho cõi âm lại được đặt song hành cùng sự "sống". Sự nghịch lí đó như nhấn mạnh quan niệm về cái chết của Trần Dần, rằng cái chết nằm ngay trong sự sống, sẵn sàng nuốt chửng sự sống khi con người không còn tồn tại một cách đích thực. Đó là khi con người hoá thành những tồn tại rỗng - không hình dáng, không bản sắc, không ý thức, không suy tư về tinh thần - hay nói cách khác là những hồn ma. Thế giới dưới góc nhìn của một con người đã chết về mặt tinh thần cũng không tồn tại ánh sáng, cái đẹp hay bất kì ý nghĩa nào, tất cả bị bao trùm bởi bóng tối, mù

mịt, vô phương hướng, để rồi những vì sao vốn gắn liền với cái đẹp, với ánh sáng cũng trở nên dư thừa, xa xỉ. Như thế, màn đêm không chỉ là của đất trời, mà như trở thành biểu tượng cho chính thế giới tâm hồn tối tăm của con người. Một khi đã đánh mất thế giới tinh thần, con người dường như đánh mất điều quan trọng nhất của một sự tồn tại - quyền tự do lựa chọn giữa những "ngã ba". Trong thế giới nghệ thuật của Trần Dần, những ngã ba xuất hiện với tần suất dày đặc, lặp đi lặp lại như một dạng ám thị gắn với diễn ngôn đô thị. Phùng Thị Bích Hạnh từng nhận xét rằng "tính chất mê cung của không gian thành phố trong diễn ngôn của Trần Dần đặc biệt được thể hiện qua những kí hiệu những đại lộ, ngã tư, vỉa hè, nhà ga." (Hạnh, 2015, tr. 60). Chúng gợi ra hành trình đầy nỗi lo âu và ám ảnh của con người khi không có ánh sáng, không chỉ dẫn, bởi mê cung được cấu tạo từ những lối đi chằng chịt, những khúc ngoặt bất ngờ và cả những ngõ cụt. Khoảnh khắc con người đứng giữa những ngã ba là khoảnh khắc mang đậm ý nghĩa hiện sinh, khi họ phải lựa chọn một con đường để đi và để sống một cuộc đời ý nghĩa. Thế nhưng, ở đoạn thơ này, con người trở nên bị động trước những chọn lựa, để rồi phó mặc cho ngoại lực là "gió" lựa chọn thay. Từ khoảnh khắc đó, con người đã đánh mất sự tự do trong ý thức, trong lựa chọn con đường sống của bản thân, đánh mất sự sống của chính mình mà chỉ còn tồn tại như những vật thể vô tri, tồn tại cho người khác.

Ngoài đêm, "sao" cũng là hình ảnh lặp đi lặp lại với tần suất cao trong thơ Trần Dần. "Sao" không chỉ là một hình ảnh thiên nhiên thuần tuý mà gắn liền với những suy tư mang tính bản thể của con người - suy tư về cái đẹp, về tự do. Khi viết *Bản tuyên ngôn tượng trưng*, Trần Dần cũng từng bày tỏ: "Hãy nằm dưới một trời sao mà trông về thế tục" (Dần, 2025, tr. 42). Nói cách khác, hướng về những vì sao hay dải Ngân Hà là cách con người hướng về những gì vô biên, rộng mở, hướng về một thế giới còn bí ẩn nằm sau lớp vỏ hiện thực trần trụi. Ngoài ra, những vì sao còn "trở thành ẩn dụ về số phận cá nhân với những nỗi khổ đau dai dẳng nhưng đẹp đẽ, kiêu hãnh đồng thời cũng là nỗi khao khát về sứ mệnh "long lanh" của đời mình." (Đa, 2010, tr. 92). Thậm chí, chúng trở thành "biểu tượng của tinh thần và đặc biệt là biểu tượng của xung đột giữa các sức mạnh tinh thần, hoặc ánh sáng và các sức mạnh vật chất, hoặc bóng tối. Chúng chọc thủng bóng tối, chúng cũng là những ngọn đèn pha chiếu rọi vào bóng đêm của vô thức." (Chevalier & Gheerbrant, 1997, tr. 794). Nói cách khác, "sao" đã vượt qua giới hạn của một hình ảnh thơ thông thường để trở thành biểu tượng quan trọng, nơi con người kí thác trăn trở về ý nghĩa sự sống và ám ảnh trước cái chết tinh thần:

tắt thở... tay ăm ắp đầy sao? người ấy không chết?... xác quàn ở tha ma Ngân Hà? con mắt vẫn chong mạt kỉ... anh chẳng tưởng tượng được gì đau đớn hơn ư?

tôi nếu chết đã chết từ ấy? bây giờ chỉ sống quàn thôi? mắt dài như phố cổ Hoè Nhai?

(Sổ bụi. Vở bụi 1985)

Những câu hỏi về cái chết lặp đi lặp lại như sự tra vấn, phản tư, thậm chí tái định nghĩa lại cái chết. "Tắt thở" vốn là sự chấm dứt về mặt sinh học của con người, nhưng ngay sau đó tác giả lại phủ định "người ấy không chết?". Bởi lẽ con người vẫn còn giữ khao khát về sự tự do khi vươn tới những vùng trời rộng mở - Ngân Hà, vẫn còn ý thức về ý nghĩa sự sống - "mắt vẫn chong mạt kỉ", vẫn mơ tưởng về cái đẹp tinh thần - "tay ăm ắp đầy sao", tất cả những điều đó khiến cõi tinh thần của con người không bị hư vô hoá, và khi đó, con người không thực sự chết. Con người chỉ chết khi "bây giờ chỉ sống quàn thôi", sống như những xác ướp, những hồn ma im lìm, trơ trơ, vô nghĩa. Ở đó, con người vẫn hiện hữu về mặt sinh học nhưng đã mất đi ý nghĩa sống, mất đi ý thức về nội tâm, vậy nên, cái chết không đến từ tương lai, mà đến "từ ấy", từ một giây phút nào đó âm thầm trong quá khứ, khi con người thôi trăn trở về giá trị tồn tại, thôi hướng tới tự do. Cái chết trong tinh thần con người không có bất kì dấu hiệu nào báo trước, nó từ từ xuất hiện và khi con người không đủ tỉnh táo để ý thức về sự hiện tồn của bản thân, họ khó có thể nhận ra mình đã rơi vào trạng thái ấy từ lúc nào. Như vậy, cái chết về tinh thần khiến con người ám ảnh không phải vì nó chấm dứt sự sống, mà kéo dài sự sống một cách vô nghĩa: "mắt dài như phố cổ Hoè Nhai" - một cái nhìn bị kéo giãn, lê thê qua thời gian. Đó là cái nhìn của một con người sống trong trạng thái kéo dài vô tận và mòn mỏi. Vì thế, nỗi lo âu hiện sinh của con người không thể hiện ở sự sợ hãi trước cái chết,

mà sợ sống trong tình trạng đã chết về tinh thần, chết trước khi chấm dứt sự tồn tại sinh học, khi hiện hữu chỉ là một sự "quàn lại" thiếu vắng sinh khí và ý nghĩa.

Cái chết về mặt tinh thần, như thế, trở thành một căn bệnh khiến con người ám ảnh:

Nguy hiểm chết người: sống
Xưa nay từ sống mấy ai về?

(Thơ mini)

Một lần nữa, Trần Dần đặt sống và chết - vốn là hai trạng thái đối lập nhau - vào cùng một hệ quy chiếu để rồi gợi lên một nghịch lí: thứ nguy hiểm nhất, nguy hiểm hơn cả cái chết lại chính là sự sống. Ở đây, với thể nghiệm thơ mini, ngôn từ được nén chặt đến cực tiểu với nguyên tắc tỉnh lược, chúng hàm súc, rõ ràng, không thách thức khả năng giải nghĩa của người đọc nhưng lại đặt sự đọc vào một hành trình kiếm tìm, mở rộng và lấp đầy ý nghĩa. Để rồi chỉ với hai từ khoá "sống" và "chết", người đọc nhận ra giữa khoảng trống giữa các từ là nỗi ám ảnh hiện sinh của con người, khi chết giờ đây không phải là sự tan biến về mặt thể xác, và sống cũng cũng chỉ đơn thuần là sự hít thở sinh học. Sự sống trở thành mối "nguy hiểm chết người" khi con người đánh mất bản thể, đánh mất ý thức về ý nghĩa hiện hữu của chính mình. Cách dùng từ trái logic tạo nên sự bất ngờ cho người đọc, nó gây ra một cú sốc về nhận thức, từ đó mở ra quan niệm mới về sự sống đích thực cho con người bằng cách nói về cái chết. Câu hỏi tu từ "Xưa nay từ sống mấy ai về?" càng nhấn mạnh tính nghịch lí của đoạn thơ, khi quan niệm "trở về từ cõi chết" giờ đây bị đảo ngược thành "trở về từ cõi sống". Con người đặt ra câu hỏi đầy khắc khoải trước sự trở về, vì sự sống trong quan niệm của họ như một cõi đầy xa lạ, nguy hiểm, thậm chí có thể khiến con người đánh mất mình. "Trở về" ở đây có thể hiểu là trở về với cái tôi đích thực, vẹn nguyên, bởi lẽ giữa cõi sống phồn tạp, bon chen và vội vã, con người dễ quên đi bản thể, quên đi con đường, lí tưởng sống bởi áp lực từ đám đông. Vậy nên, nỗi ám ảnh khiến con người trăn trở ở đây là cái chết về bản thể, khi thế giới tinh thần độc đáo của con người không còn trọn vẹn trong hành trình sống. Vì thế, đời sống không phải lúc nào cũng là nơi nuôi dưỡng con người, mà có thể trở thành môi trường làm tha hoá và giết chết con người từ bên trong. Cái chết đáng sợ nhất không nằm ở sự kết thúc sinh học, mà nằm ở việc con người đánh mất khả năng "trở về" với chính mình ngay trong khi vẫn đang sống.

4. Ám ảnh trước sự từ chối hòa nhập với cõi nhân sinh

Con người trong thơ Trần Dần hiện lên với một ý thức sâu sắc về bản thể, họ nhận ra mình khác với đám đông vì chính mình là một nhân vị độc đáo, cũng vì thế, họ từ chối trở nên giống với tha nhân chỉ để hoà nhập, họ từ chối hợp tác, từ chối bị "vật hoá". Đứng từ góc độ của đám đông, những kẻ từ chối vận hành theo guồng quay sẵn có chẳng khác gì những kẻ thừa và trở thành hư vô giữa đồng loại. Họ bị gạt ra bên lề và chấp nhận với vị thế bên lề đó. Sống bên lề cộng đồng, đó cũng là một kiểu chết. Khi ấy, con người dùng dằng giữa hai trạng thái, vừa cô đơn, đau đớn khi không có ai thấu hiểu, không thể tìm được mối liên kết với bất kì ai, đồng thời họ cũng không chấp nhận đánh mất mình chỉ để nối sợi dây liên kết với tha nhân. Sự mâu thuẫn giữa hai trạng thái đó khiến con người rơi vào ám ảnh và lo âu hiện sinh.

sinh tôi làm gì? tôi không hợp grammaire nào cả / sinh tôi đã có grammaire cho tất cả / ắt là không zuýt cho tôi / tôi không thích mọi grammaire quần đùi may sẵn / ví dụ một ngày tôi lại đọc là / KHÔNG / ai cũng có ngày / ngày của mình / tôi không có ngày nào hết? / bất công này. Tôi kiện ai đây / không ai sử kiện cho ai / tất cả đều muốn đi kiện mà / không quan tòa. không luật. Cũng không pháp đình.

tôi sống? hay tôi trôi? không ai trả lời tôi cả. Mọi người đều bận ngiệp lăn trôi.

tôi không hợp mọi cái gì đã. Mà sinh tôi đã quả cầu rồi.

tôi hết chịu nổi những con động vật kinh tế. chính trị-kinh tế. động vật người mới người hùng - người côsmic. Làm người - lại không muốn làm người. Cho nên tôi chọn Tư Mã.

TÔI TRÔI VÀO VỰC NGỰC

(Sổ bụi 1980 - 1981)

"Grammaire", tức ngữ pháp, văn phạm trong tiếng Pháp, là những quy tắc về cấu trúc, cách sử dụng từ, câu mà người sử dụng một ngôn ngữ bắt buộc phải tuân theo một cách chính xác. Ở đây nó còn nói đến những quy tắc chung - "cho tất cả", những đồng phục - "quần đùi may

sẵn", những công thức tồn tại - "động vật kinh tế. chính trị - kinh tế. động vật người mới người hùng - người côsmic". Đó là những thứ mà một người cần tuân theo để hòa nhập và tồn tại giữa đám đông. Thế nhưng, đối diện với những quy chuẩn ấy, con người trong đoạn thơ lựa chọn khước từ bằng hàng loạt những từ phủ định "không hợp", "không thích", thậm chí nhấn mạnh bằng cách phá vỡ quy cách viết thông thường: "KHÔNG"! Bên cạnh đó, cách Trần Dần kết hợp tiếng Pháp, tiếng Anh song song với tiếng Việt trong một đoạn thơ, sáng tạo ra những chữ mới - "zuýt", vực ngực", vi phạm nguyên tắc chính tả - "ngiệp" cũng cho thấy hành động vi phạm tất cả những quy tắc cứng nhắc của ngôn ngữ và xã hội. Nó nhấn mạnh ý thức khước từ việc giống với đám đông một cách tuyệt đối và trọn vẹn, và cũng chính vì thế, con người tự đặt mình ra khỏi cộng đồng khi từ chối hòa nhập với tha nhân. Sự lựa chọn ấy không tránh khỏi việc con người khủng hoảng trong sự cô độc, họ đặt ra những câu hỏi nhưng những câu hỏi không có ai đáp lời, họ trăn trở về sự tồn tại, về ý nghĩa sống - "tôi sống? hay tôi trôi" - nhưng đám đông thờ ơ, phớt lờ. Những câu hỏi liên tiếp cho thấy ám ảnh của con người về sự sống đích thực, họ từ chối giống với tha nhân vì ý thức sâu sắc về bản thể độc đáo của mình, nhưng thay vì được đón nhận như những gì "đang là", con người lại bị gạt ra bên lề. Khi đã mang thân phận kẻ ngoại cuộc, con người không còn được bảo vệ những quyền lợi cơ bản nhất, kể cả sự công bằng. Họ phải chấp nhận những phi lí của đời sống, nơi không người xử kiện, "không quan tòa. không luật. Cũng không pháp đình.". Con người bị từ chối cả những quyền lợi cơ bản nhất của một công dân trong xã hội, vì với góc nhìn của đám đông, kẻ ngoại cuộc cũng như đã chết. Cái chết trong mắt người khác không thể không khiến con người ám ảnh, song, với ý thức sâu sắc về bản thể, con người hiện sinh trong thơ Trần Dần chấp nhận những điều đó để sống một cách chân thực thay vì thỏa hiệp. "Cho nên tôi chọn Tư Mã" là cách con người từ định danh mình, không bằng và không giống bất kì một danh xưng nào đã có trước đó. Jean - paul Sartre từng nhấn mạnh: "Hiện hữu đi trước bản chất" (Sartre, 2016, tr. 28), và không một ai, kể cả Thượng Đế, có thể gán cho con người một bản chất nào đó sẵn có. Chỉ có con người mới có quyền kiến tạo nên bản thể của mình, định danh mình, lựa chọn con đường sống của riêng bản thân, "Tư Mã" hay "vực ngực" chính là tên gọi và cõi sống con người trong thơ Trần Dần tự lựa chọn. Lựa chọn ấy đẩy con người ra khỏi cộng đồng, trở thành kẻ đã chết trong mắt đám đông, nhưng ở góc độ cá nhân, nó giúp con người hiện hữu đích thực.

Cũng vì lẽ đó, con người dù đau vẫn chối từ hoà nhập với nhân loại:

Nhân loại - tôi không chơi với các anh nữa… ván nào anh cũng ăn gian…? các người và người…
LO QUÁ… PHẢI LÊN THIÊN ĐƯỜNG…
MỘT MÌNH… / HẾT SỨC MỘT MÌNH.
tôi đau. Tôi lại đau rồi - anh biết không? tôi há phải Prométhéo để mãi các anh nhai gan mình thánh? tôi có một cái đầu - không phải để đeo gai - một cơ thể không thắt lưng buộc bụng - một đời đâu chịu - chỉ hi sanh? / tôi không hi sanh cho mầy.

(Sổ bụi 1982)

Con người trong thơ Trần Dần nhận thức rõ quy luật vận hành của xã hội, nhưng thay vì thỏa hiệp để rồi hoà tan và đánh mất bản thể, con người chọn sống đúng với nhân vị độc đáo của mình. Khi đó, con người hiện sinh phủ định tất cả những nhãn dán, những hình tượng cao cả mà đám đông tôn thờ. Đó là vị thần Prométhéo bất chấp mang lửa xuống cho loài người để rồi bị thần Zeus trừng phạt mổ bụng moi gan, hay là Đức Chúa Giêsu đầu đội vòng gai hi sinh gánh lấy tội lỗi cho nhân loại. Những hình mẫu ấy được người đời kính nể, nhưng đó không phải là lựa chọn của con người trong thơ Trần Dần chỉ để được đám đông tán thưởng. Bằng sự tự ý thức bản thể, con người liên tục phủ định những mẫu hình chung: "há phải", "không phải", "không", "đâu chịu",... như một nỗ lực thoát khỏi những khuôn mẫu đạo đức xã hội. Trần Dần để con người từ chối hi sinh, khước từ cả việc sống vì người khác, sống cho người khác, sự từ chối đó đẩy họ trở thành kẻ thừa và phải một mình đi trên con đường của bản thân. Ngay từ tuyên bố "Nhân loại - tôi không chơi với các anh nữa", con người đã tự đặt mình ra khỏi đám đông, đặt mình vào trạng thái cô độc tuyệt đối. Điều đó khiến họ rơi vào trạng thái lo âu, hoang mang, đau những nỗi đau không ai biết, không ai hiểu, thậm chí ám ảnh với hàng loạt những khoảng lặng trống rỗng xen giữa những câu thơ. Với sự

lựa chọn ấy, con người tự giết chết sự tồn tại của mình trong mắt tha nhân, nhưng đó là cách để họ không rơi vào cái chết về mặt tinh thần trong sự hiện hữu của bản thân. Chính vì thế, trong *Thảo và luận ở Sổ bụi 1975*, Trần Dần bộc bạch: "Mỗi người mang trong mình 1 vũ trụ tâm thần, độc nhất. Độc nhất vô song… chỉ vì thỏa hiệp, mà mất dần, thậm chí tan vũ trụ ấy. Vô thức, cái tôi thật này, không biết thỏa hiệp, nhân nhượng, hay giao kèo. Nó không lùi 1 milimet, 1 micrôn. Khái niệm thỏa hiệp nằm ở tất cả mọi điều khốn quẫn của con người, mà mũi tên chỉ lại theo hướng càng khốn quẫn thêm, khốn quẫn hơn, khốn quẫn không có đường ra. Con đường tử đạo: thoả hiệp, nơi chết bao tài năng, thiên tài, địa tài, nghệ sĩ, và nhà triết, nhà trị, mọi nhà…" (Dần, 2025, tr. 351).

KẾT LUẬN

Sổ bụi và *Thơ mini* - hai tập thơ kết tinh những thể nghiệm, cách tân đầy tâm huyết cùng với những suy tư đầy nhân bản của Trần Dần - đã tái hiện một cách đa chiều, sâu sắc quan niệm về cái chết hiện sinh. Ở đó, cái chết hiện lên không chỉ đơn thuần là sự chấm dứt về mặt thể xác mà còn là nỗi ám ảnh trước cái chết về tinh thần, cái chết trong mắt tha nhân khi con người đặt mình ra khỏi đám đông. Chính từ sự lo âu này, con người trong thơ Trần Dần đã thức tỉnh về bản thể độc đáo, từ đó dấn thân tìm kiếm ý nghĩa hiện hữu. Bằng việc đối diện thay vì trốn chạy hư vô, thi sĩ đã kiến tạo nên một thái độ sống tích cực: xem cái chết là điều kiện tiên quyết để sống một cuộc đời đích thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Barthes, R. (1997). *Độ không của lối viết*. Hội nhà văn.

Chevalier, J., & Gheerbrant, A. (1997). *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giớ*i. Đà Nẵng.

Dần, T. (2025). *Trần Dần thơ*. Hội nhà văn.

Đa, N. T. L. (2010). *Những cách tân trong thơ Trần Dần*. (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Đỉnh, T. T. (2023). *Triết học hiện sinh*. Văn học.

Hiếu, T. N. (2003). *Những tìm tòi thể nghiệm cách tân hình thức trong thơ Việt Nam thời kì đổi mới*. (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).

Hậu, N. T. H. (2008). *Thế giới thơ Hoàng Hưng qua tập "Hành trình"*. (Luận văn Thạc sĩ) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Huế, H. T. (2009). Quan niệm nghệ thuật thơ của Trần Dần, Lê Đạt nhìn từ phương diện tiếp nhận. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, 41 - 49.

Hằng, Đ. M. (2010). *Thơ Trần Dần - nhìn từ lý thuyết diễn ngôn của Michel Foucault.* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Hạnh, P. T. B. (2015). *Diễn ngôn Phố trong tiểu thuyết Trần Dần.* [Luận văn Thạc sĩ trường Đại học Sư phạm Hà Nội].

Kraus, P. (1384). Death and metaphysics: Means in Heidegger's philosophy of existence. *Organon*, (26 – 27).

Nguyên, L. (chủ biên). (2020). *Việt Nam một thế kỉ tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài*. Đại học Sư phạm.

Nhiên, H. H. (2026). *Dấu ấn hiện sinh trong thơ Trần Dần.* (Khóa luận tốt nghiệp). Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh).

Shariatinia, Z. (2015). Heidegger's ideas about death. *Pacific Science Review B: Humanities and Social Sciences*, 1(2), 92 - 97. https://doi.org/10.1016/j.psrb.2016.06.001

Sartre, J. P. (2016). *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản.* Tri thức

Heidegger, M. (2014). *What is metaphysics?* (Siavash Jamadi translation). Phoenix Publishing.